

Số: 138/BC-HĐND

Cà Mau, ngày 13 tháng 5 năm 2026

BÁO CÁO

Thẩm tra dự thảo Nghị quyết phân định cụ thể nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu của ngân sách địa phương cho các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Cà Mau

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban Kinh tế - Ngân sách và phân công của Thường trực HĐND tỉnh về thẩm tra các văn bản trình Kỳ họp thứ 2 (chuyên đề) HĐND tỉnh khóa XI. Ngày 11/5/2026, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh chủ trì, phối hợp với các Ban HĐND tỉnh thẩm tra dự thảo Nghị quyết phân định cụ thể nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu của ngân sách địa phương cho các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Cà Mau. Kết quả thẩm tra, như sau:

1. Sự cần thiết và căn cứ pháp lý ban hành Nghị quyết; phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, nội dung cơ bản của Nghị quyết; ý kiến đại biểu và vấn đề còn ý kiến khác nhau

a) Sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Hiện nay, việc phân định cụ thể nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu của ngân sách địa phương cho các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh được HĐND tỉnh thống nhất thực hiện theo Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của HĐND tỉnh Cà Mau¹, cho đến khi có văn bản thay thế tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 22/9/2025 của HĐND tỉnh về việc áp dụng, bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật do HĐND tỉnh Cà Mau, tỉnh Bạc Liêu ban hành trước ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Ngày 06/10/2025, Bộ trưởng Bộ Tư pháp có Công văn số 6243/BTP-KTVB&QLXLVPHC về việc xử lý văn bản chịu sự tác động của việc sắp xếp tổ chức bộ máy, có quy định “*Các địa phương hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế, ban hành mới các văn bản của địa phương chịu sự tác động của việc sắp xếp tổ chức bộ máy trước ngày 01 tháng 6 năm 2026*”.

Để công tác ban hành và áp dụng văn bản quy phạm pháp luật được chặt chẽ, thuận tiện, phù hợp với tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách địa phương, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết phân định cụ thể nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu của ngân sách địa phương cho các

¹ Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND được xây dựng trên cơ sở cụ thể hóa quy định tại điểm m khoản 9 Điều 152 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung bởi điểm e khoản 51 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.

cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Cà Mau ***là cần thiết, phù hợp với tình hình thực tế và đúng thẩm quyền của HĐND tỉnh.***

b) Căn cứ pháp lý ban hành Nghị quyết

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15.
- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15.
- Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15.
- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 11/2022/QH15, Luật số 16/2023/QH15, Luật số 18/2023/QH15, Luật số 47/2024/QH15, Luật số 54/2024/QH15 và Luật số 146/2025/QH15;
- Luật Đa dạng sinh học số 20/2008/QH12, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14 và Luật số 146/2025/QH15;
- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP.

c) Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, nội dung cơ bản của Nghị quyết

- *Về phạm vi điều chỉnh:* Nghị quyết này phân định cụ thể các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu của ngân sách địa phương cho các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Cà Mau theo quy định tại điểm m khoản 9 Điều 152 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi điểm e khoản 51 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.

- *Về đối tượng áp dụng:* UBND tỉnh; các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp xã; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu của ngân sách địa phương cho các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Cà Mau..

- *Về nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết trình thẩm tra:* Quy định phân định cụ thể các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu của ngân sách địa phương cho các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

+ Các nhiệm chi về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu của ngân sách cấp tỉnh: Chi thực hiện các nhiệm vụ của cấp tỉnh quản lý theo quy định tại Điều 152 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 51 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, bao gồm: thực hiện các nhiệm vụ về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu thuộc trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh theo quy định pháp luật; hoặc thực hiện các nhiệm vụ tính chất đột xuất, cấp bách, nhiệm vụ có tính liên xã, liên vùng, nhiệm vụ yêu cầu công nghệ, quan trắc, cơ sở dữ liệu, chuyên môn sâu; nhiệm vụ thuộc quy hoạch, đề án, chương trình, dự án toàn tỉnh; nhiệm vụ có quy mô đầu tư lớn hoặc phải lồng ghép nhiều nguồn vốn theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

+ Các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu của ngân sách cấp xã, gồm:

Quản lý chất thải, hỗ trợ xử lý chất thải trên địa bàn cấp xã, bao gồm: (1) Điều tra, thống kê, đánh giá mức độ ô nhiễm môi trường, theo dõi diễn biến chất lượng môi trường, lập danh mục chất ô nhiễm, chất thải rắn, nguồn ô nhiễm; đánh giá, dự báo tình hình phát sinh, thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt thuộc trách nhiệm của cấp xã; (2) Hỗ trợ phân loại tại nguồn, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và xử lý các loại chất thải khác phát sinh trên địa bàn thuộc trách nhiệm của cấp xã; (3) Xây dựng, hỗ trợ xây dựng công trình vệ sinh công cộng, phương tiện, thiết bị thu gom, quản lý, xử lý chất thải khu vực công cộng; công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ, chất thải; (4) Xây dựng, sửa chữa, cải tạo hạ tầng bảo vệ môi trường của làng nghề thuộc trách nhiệm của cấp xã.

Xử lý, cải tạo, phục hồi chất lượng môi trường trên địa bàn cấp xã, bao gồm: (1) Xử lý ô nhiễm, cải tạo, phục hồi môi trường đối với khu vực ô nhiễm môi trường đất do lịch sử để lại hoặc không xác định được tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm, gồm: khu vực bị ô nhiễm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật; khu vực đất bị ô nhiễm khác trên địa bàn thuộc trách nhiệm xử lý của cấp xã; xử lý ô nhiễm môi trường nước mặt sông, hồ trên địa bàn thuộc trách nhiệm xử lý của cấp xã; (2) Hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên nước; hoạt động bảo vệ tài nguyên nước; phục hồi nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm; phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra thuộc trách nhiệm của cấp xã, phù hợp với quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật về tài nguyên nước; (3) Hoạt động điều tra, đánh giá đất đai; bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất thuộc trách nhiệm của cấp xã, phù hợp với quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật về đất đai.

Xây dựng hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường; trang thiết bị để bảo vệ môi trường trên địa bàn cấp xã, bao gồm: (1) Các dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp hệ thống thu gom, lưu giữ, trạm trung chuyển, khu tập kết, hạ tầng kỹ thuật của khu xử lý chất thải rắn tập trung, chất thải nguy hại, hệ thống xử lý nước thải, bãi chôn lấp chất thải sinh hoạt trên địa bàn; hệ thống các công trình, thiết bị công cộng phục vụ quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn; đầu tư công trình vệ sinh công cộng, công trình xử lý nước thải tại chỗ đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường do cấp xã quản lý. Đối với các dự án thuộc trách nhiệm của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân quản lý thì kinh phí thực hiện do doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân chi trả, ngân sách nhà nước không hỗ trợ; (2) Mua sắm, sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác bảo vệ môi trường thuộc trách nhiệm của cấp xã theo dự án đầu tư; (3) Mua sắm trang thiết bị thay thế, duy trì, vận hành trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác bảo vệ môi trường thuộc trách nhiệm của cấp xã.

Kiểm tra, giám sát về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu thuộc nhiệm vụ của cấp xã và theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

Hoạt động bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học theo quy định tại khoản 3 Điều 73 Luật Đa dạng sinh học thuộc trách nhiệm của cấp xã.

Nghiên cứu khoa học, phát triển, chuyển giao, ứng dụng công nghệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ tầng ô-dôn thực hiện theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ, pháp luật về chuyển giao công nghệ trên địa bàn cấp xã.

Truyền thông, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường; phổ biến kiến thức, tuyên truyền pháp luật về bảo vệ môi trường trên địa bàn cấp xã, bao gồm: (1) Truyền thông, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao nhận thức, ý thức, kiến thức về bảo vệ môi trường; phổ biến, tuyên truyền pháp luật về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu; tổ chức và trao giải thưởng về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu cho cá nhân, tổ chức, cộng đồng theo quy định của pháp luật; (2) Đánh giá, tổng kết và theo dõi thi hành pháp luật về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu;

Các hoạt động quản lý nhà nước khác bảo vệ môi trường thuộc trách nhiệm của cấp xã theo quy định của pháp luật, bao gồm: (1) Xây dựng, điều chỉnh chiến lược, kế hoạch, quy chuẩn kỹ thuật, quy trình, hướng dẫn kỹ thuật, định mức kinh tế-kỹ thuật, chương trình, đề án, dự án về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn cấp xã; (2) Tiếp nhận, xác minh, xử lý phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư về bảo vệ môi trường; hội thảo phục vụ hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn cấp xã; (3) Phòng ngừa, ứng phó khắc phục sự cố môi trường trên địa bàn cấp xã; (4) Quản lý, công bố thông tin về môi trường; vận hành hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu (bao gồm cả thu nhận, xử lý, trao đổi thông tin, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế thiết bị lưu trữ hệ thống thông tin, dữ liệu) cấp xã; cập nhật, đánh giá chỉ tiêu thống kê, xây dựng báo cáo về môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu; đánh giá, xếp hạng kết quả bảo vệ môi trường trên địa bàn cấp xã; (5) Xây dựng các mô hình về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn cấp xã; (6) Hoạt động đánh giá phục vụ việc xác nhận về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật trên địa bàn cấp xã; (7) Hoạt động của Ban điều hành, Văn phòng thường trực về bảo vệ môi trường được cấp có thẩm quyền quyết định; (8) Hoạt động của Ban chỉ đạo, tổ chức các hội nghị về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu theo quyết định của cấp có thẩm quyền và các nhiệm vụ khác có tính chất quản lý hành chính phục vụ hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn cấp xã.

+ Quy định chuyên tiếp: Đối với các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường đã được cấp có thẩm quyền phân bổ nguồn vốn trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục sử dụng nguồn vốn đã cấp để thực hiện đến khi hoàn thành nhiệm vụ.

d) Ý kiến đại biểu và những vấn đề còn ý kiến khác nhau

- Tại Hội nghị thẩm tra, các đại biểu đã thảo luận, đề nghị cơ quan soạn thảo giải trình, làm rõ thêm một số nội dung của dự thảo Nghị quyết, như sau:

+ Về hồ sơ trình: Đề nghị bổ sung báo cáo đánh giá kết quả thực hiện phân định cụ thể nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu của ngân sách địa phương cho các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

+ Về dự thảo Nghị quyết: Đại biểu đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, không phân định các nhiệm vụ chi thuộc tính chất chuyên ngành, chuyên môn cao cho cấp xã, vì nhân lực cấp xã khó thực hiện. Đồng thời, nghiên cứu Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường để phân định nhiệm vụ cho phù hợp.

+ Ngoài ra, đại biểu còn có một số góp ý về cách trình bày thể thức, câu từ, nhằm hoàn thiện dự thảo nghị quyết.

- Ý kiến của đại diện lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường

+ Về báo cáo đánh giá kết quả thực hiện phân định cụ thể nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu của ngân sách địa phương cho các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Cà Mau, Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp thu, tham mưu UBND tỉnh xây dựng báo cáo, kèm hồ sơ.

+ Về nhiệm vụ chi được phân định cho cấp xã, Sở Nông nghiệp và Môi trường đề xuất giữ nguyên dự thảo, làm cơ sở lập, phân bổ dự toán hàng năm. Đồng thời, làm căn cứ pháp lý để thực hiện chi khi phát sinh nhiệm vụ trên địa bàn xã quản lý.

+ Các ý kiến còn lại của đại biểu, Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp thu, hoàn chỉnh hồ sơ, nội dung dự thảo Nghị quyết, trình HĐND tỉnh tại Kỳ họp khi đảm bảo điều kiện.

Các ý kiến thảo luận của đại biểu được cơ quan soạn thảo giải trình, tiếp thu, làm rõ, được đại biểu thống nhất.

2. Sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết với chủ trương, đường lối của Đảng, tình hình, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương

Nội dung dự thảo nghị quyết phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và tình hình, điều kiện thực tế tại địa phương.

3. Tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất với hệ thống pháp luật của dự thảo Nghị quyết

a) *Về tính hợp hiến*: Nội dung dự thảo Nghị quyết phù hợp và không trái với các quy định cụ thể của Hiến pháp năm 2013, được sửa đổi, bổ sung năm 2025.

b) *Về tính hợp pháp*: Nội dung dự thảo Nghị quyết phù hợp, đảm bảo tính hợp pháp theo các quy định pháp luật khác có liên quan.

c) *Về tính thống nhất với hệ thống pháp luật*: Nội dung dự thảo Nghị quyết được xây dựng trên cơ sở quy định của hệ thống văn bản pháp luật có giá trị pháp lý hiện hành².

² Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 87/2025/QH15; Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15; Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 11/2022/QH15, Luật số 16/2023/QH15, Luật số 18/2023/QH15, Luật số 47/2024/QH15, Luật số 54/2024/QH15 và Luật số

4. Sự cần thiết, tính hợp lý của thủ tục hành chính, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Nội dung dự thảo Nghị quyết không làm phát sinh thủ tục hành chính.

5. Nguồn lực tài chính, nguồn lực đảm bảo thi hành Nghị quyết

Kinh phí thực hiện Nghị quyết được đảm bảo từ Nguồn kinh phí thực hiện được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước địa phương theo quy định pháp luật, theo nguyên tắc phân bổ tương ứng nhiệm vụ, có cơ chế hỗ trợ cấp xã khó khăn; khuyến khích huy động nguồn lực xã hội hóa. Vì vậy, các điều kiện về nguồn lực và điều kiện cho việc thi hành Nghị quyết là đảm bảo tính khả thi.

6. Ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày và trình tự, thủ tục soạn thảo dự thảo Nghị quyết

a) Về ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày: Thực hiện cơ bản đảm bảo theo quy định tại Nghị định số 78/2025/NĐ-CP; Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.

b) Về trình tự, thủ tục soạn thảo dự thảo Nghị quyết

Trên cơ sở thống nhất lập danh mục xây dựng Nghị quyết của Thường trực HĐND tỉnh³, Sở Nông nghiệp và Môi trường được UBND tỉnh giao chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng dự thảo Nghị quyết, đã thực hiện xây dựng dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh theo quy trình, thời gian và thủ tục quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 87/2025/QH15 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Trong quá trình xây dựng văn bản, cơ quan soạn thảo đã tổ chức lấy ý kiến, nghiên cứu, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo, xây dựng tờ trình, báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến đóng góp dự thảo và các tài liệu có liên quan; đồng thời, đăng tải các tài liệu này trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh theo quy định. Hồ sơ dự thảo Nghị quyết được Sở Tư pháp tổ chức thẩm định đúng quy trình và có báo cáo kết quả thẩm định, đủ điều kiện trình kỳ họp⁴.

146/2025/QH15; Luật Đa dạng sinh học số 20/2008/QH12, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14 và Luật số 146/2025/QH15; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP.

³ Tại Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 13/02/2026 của Thường trực HĐND tỉnh về việc đăng ký xây dựng văn bản thay thế các văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau, tỉnh Bạc Liêu ban hành trước ngày 01 tháng 7 năm 2025.

⁴ Hồ sơ trình thẩm tra, gồm: (1) Tờ trình số 308/TTr-UBND ngày 05/5/2026 của UBND tỉnh về dự thảo Nghị quyết phân định cụ thể nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu của ngân sách địa phương cho các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Cà Mau; (2) dự thảo Nghị quyết phân định cụ thể nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu của ngân sách địa phương cho các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh; (3) bản so sánh, thuyết minh dự thảo Nghị quyết; (4) bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý đối với dự thảo Nghị quyết phân định cụ thể nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu của ngân sách địa phương cho các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh; (5) Báo cáo số 368/BC-STP ngày 30/3/2026 của Sở Tư pháp về thẩm định dự thảo Nghị quyết phân định cụ thể nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu của ngân sách địa phương cho các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh; (6) Báo cáo số 459/BC-SNNMT ngày 02/4/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về giải trình

7. Quan điểm, ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thống nhất dự thảo Nghị quyết được xây dựng nhằm cụ thể hóa quy định của Trung ương, tại điểm m khoản 9 Điều 152 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung bởi điểm e khoản 51 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP quy định: ***“Việc phân định cụ thể các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu của ngân sách địa phương cho các cấp ngân sách ở địa phương do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định”***.

Dự thảo Nghị quyết quy định cụ thể về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng; các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu cho ngân sách cấp tỉnh và cấp xã được phân định cụ thể rõ ràng, dễ thực hiện (*thay thế Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của HĐND tỉnh*). Trong đó, điều chỉnh tên gọi dự thảo Nghị quyết bổ sung thêm cụm từ ***“ứng phó với biến đổi khí hậu”*** cho phù hợp với nội dung yêu cầu tại điểm e khoản 51 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP. Việc phân định nội dung chi được thực hiện theo Điều 152 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, trên cơ sở kế thừa các nội dung của Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND; *trong đó, bỏ nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu của cấp huyện; bổ sung nhiều nhiệm vụ bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu cho UBND cấp xã; đồng thời, dự thảo Nghị quyết đề xuất không phân từng nhiệm vụ chi theo từng nguồn kinh phí như Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND*, tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan, đơn vị trong triển khai thực hiện nhiệm vụ và làm cơ sở để các cấp tổ chức thực hiện trong nguồn kinh phí được phân bổ hàng năm. Các nhiệm vụ chi của từng cấp đã được cơ quan soạn thảo tổ chức lấy ý kiến đóng góp của các cơ quan, đơn vị chịu sự tác động.

Qua thẩm tra, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thống nhất về phân định cụ thể nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu cho các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh. Theo đó, thống nhất nhiệm vụ chi của ngân sách ***cấp tỉnh thực hiện tất cả 09 nội dung với 36 nhiệm vụ chi*** theo quy định tại Điều 152 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và các nhiệm vụ chi có tính chất đột xuất, cấp bách, liên xã, liên vùng, chuyên môn sâu; nhiệm vụ thuộc quy hoạch, đề án, chương trình, dự án toàn tỉnh; nhiệm vụ có quy mô đầu tư lớn hoặc phải lồng ghép nhiều nguồn vốn. Đối với nhiệm vụ chi của ngân sách ***cấp xã thực hiện 8/9 nội dung, với 23/36 nhiệm vụ chi*** theo quy định tại Điều 152 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; thống nhất việc phân định theo nhiệm vụ chi, không phân định theo nguồn chi.

Dự thảo nghị quyết đảm bảo cơ sở pháp lý, đúng thẩm quyền; nội dung phù hợp theo quy định của pháp luật và điều kiện thực tế địa phương; quy trình xây dựng và hồ sơ đầy đủ, đủ điều kiện để trình kỳ họp HĐND tỉnh. Các nội dung góp ý được cơ quan soạn thảo tiếp thu, bổ sung, hoàn chỉnh nội dung trình kỳ họp.

Ban Kinh tế - Ngân sách thống nhất với nội dung của dự thảo Nghị quyết.
Kính trình đại biểu HĐND tỉnh xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Thành viên Ban KT-NS;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- LĐVP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Trang Thông tin điện tử;
- Phòng CT. HĐND;
- Lưu: VT, LT.

**TM. BAN KINH TẾ - NGÂN SÁCH
TRƯỞNG BAN**



Vũ Hồng Như Yên